TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 27-02-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thà;

2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Đăng Kha, ông Nguyễn Thành L - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Trịnh Thị D, sinh năm 1974 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 41 tổ A Cụm B, Phường N, quận B, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Căn hộ P, số G, đường Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân K và bà Hoàng Thị V (đã chết); bị cáo có chồng Nguyễn Bá D1 và 02 con; tiền án: không có, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2024 cho đến nay; có mặt;

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị D: Luật sư Nguyễn Xuân T - Công ty L2 – thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/3/2013, Trịnh Thị D xuất cảnh sang Campuchia để tìm mua quần áo mang về Việt Nam bán kiếm lời. Sau khi sang Campuchia, D đến nhà bà Ly D2, sinh năm 1964, quốc tịch Campuchia, hộ chiếu số N0602163, cấp ngày 16/6/2008 do Campuchia cấp, địa chỉ: số C, đường F, phường S, thành phố P, V Campuchia. Khi gặp nhau, bà Ly

D2 nói với D khi nào D trở về Việt Nam thì bà Ly D2 sẽ đi cùng về để giải quyết công việc cá nhân. Trong thời gian ở Campuchia, D được bà Ly D2 giới thiệu tại các khu chợ thuộc thành phố P - Campuchia có bán các vòng đeo tay làm bằng ngà voi, nếu mua đem về Việt Nam bán lại cho người khác sẽ có lời, D đồng ý mua và mua được tổng cộng 352 cái vòng đeo tay bán trôi nổi (không có giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ) tại 03 chợ ở thành phố P - Campuchia với giá tiền là 300 USD (đô la Mỹ), D là người trả tiền. Sau khi mua xong, D mang 352 cái vòng đeo tay nêu trên về nhà Ly Dalene cất giữ.

Đến ngày 15/3/2013, D để tất cả số lượng 352 cái vòng đeo tay đã mua được trước đó vào vali hành lý rồi nhập cảnh vào Việt Nam cùng với bà Ly D2 (bà Ly D2 đi cùng bị can D về Việt Nam là do đã có hẹn trước đó). Khi nhập cảnh tại luồng nhập dành cho phương tiện vận tải tại Cửa khẩu Quốc tế X thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Do không có giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của 352 cái vòng đeo tay trên nên khi nhập cảnh vào Việt Nam, D không khai báo với lực lượng Hải quan tại Cửa khẩu Quốc tế X. Khi D nhập cảnh thì bị lực lượng Hải quan Cửa khẩu Quốc tế X kiểm tra hành lý phát hiện cái vòng đeo tay nghi làm bằng ngà voi nên tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật để điều tra, xác minh làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trịnh Thị D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định mẫu vật số 18/BB-SHNĐ ngày 20/03/2013 của Viện Sinh học nhiệt đới thuộc V1 kết luận 352 vòng đeo tay gửi giám định được làm bằng ngà voi châu phi – Loxodonta africana (Blumenbach, 1797); CITES: IIB; IUCN 2012: VU (Chú thích: Sách Đỏ Thế giới – IUCN năm 2012; VU: Loài bị tổn thương quần thể ngoài thiên nhiên; phụ lục I & II: CITES; Nhóm IIB trong CITES là tương đương với nhóm IIB trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ Quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm).

Tại Kết luận giám định tư pháp số 21/KL-STHMN ngày 19/8/2024 của Viện Sinh thái học miền nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- 04 mẫu vật dạng vòng đeo, hình tròn, màu trắng là sản phẩm từ ngà voi, có tổng khối lượng là 301,75g. Dựa vào đặc điểm của đường V, kết luận rằng các mẫu vật này được lấy từ ngà của các loài voi hiện còn đang tồn tại trên Trái Đất, gồm 03 loài Voi châu Á (tên khoa học: E), Voi đồng cỏ C (tên khoa học: L3) và Voi rừng C (tên khoa học: L4). Ngà voi là bộ phận có thể tách rời khỏi sự sống của động vật, tuy không gây chết cho cá thể nhưng có thể làm giảm khả năng về cạnh tranh thức ăn và các hoạt động xã hội trong đàn. Vì lý do không thể ly trích được vật liệu di truyền nên không thể giám định chính xác loài voi. Theo CITES, tất cả các mẫu vật là sản phẩm từ ngà voi của các loài voi còn đang tồn tại trên Trái Đất mà không có giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ đều thuộc Phụ lục I;

- 307 mẫu vật dạng vòng đeo, hình tròn, được sơn màu là sản phẩm từ ngà voi, có tổng khối lượng là 24.655,20g. Dựa vào đặc điểm của đường V, kết luận các mẫu vật này được lấy từ ngà của các loài voi hiện còn đang tồn tại trên Trái Đất, gồm 03 loài Voi châu Á (tên khoa học: E), Voi đồng cỏ C (tên khoa học: L3) và Voi rừng C (tên khoa học: L4). Ngà voi là bộ phận có thể tách rời khỏi sự sống của động vật, tuy không

gây chết cho cá thể nhưng có thể làm giảm khả năng về cạnh tranh thức ăn và các hoạt động xã hội trong đàn. Vì lý do không thể ly trích được vật liệu di truyền nên không thể giám định chính xác loài voi. Theo CITES, tất cả các mẫu vật là sản phẩm từ ngà còn đang tồn tại trên Trái Đất mà không có giấy tờ, tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ đều thuộc Phụ lục I;

- 15 mẫu dạng vòng đeo, hình tròn, được sơn màu là sản phẩm từ ngà voi của loài voi ma mút, có tổng khối lượng là 1.249,86g. Loài có tên khoa học đầy đủ là M primigenius (B). Voi ma mút là loài voi đã tuyệt chủng, không còn tồn tại trên thế giới;

- 21 mẫu vật (gồm 03 mẫu vật không ghi nhận hoa văn và 18 mẫu vật không thấy rõ đường vẫn Schreger) dạng vòng đeo, hình tròn, được sơn màu không ghi nhận hoa văn và không thấy rõ đường vân Schreger nên không đủ căn cứ để xác định sản phẩm có nguồn gốc từ ngà voi. Vì vậy, không thể kết luận nội dung yêu cầu giám định.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 28-2024/KL/STHMN ngày 16/9/2024 của Viện Sinh thái học miền nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 21 mẫu vật dạng vòng đeo, hình tròn, được sơn màu là sản phẩm từ ngà voi, có tổng khối lượng là 1594,98g. Ngà voi là bộ phận có thể tách rời khỏi sự sống động vật, tuy không gây chết cho cá thể nhưng có thể làm giảm khả năng về cạnh tranh thức ăn và các hoạt động xã hội trong đàn. Vì phương pháp giám định đang sử dụng hiện tại chưa có đủ khoa học để xác định chính xác tên loài voi nên không thể kết luận nội dung chủng loại theo yêu cầu giám định.

Kết quả định giá tài sản: Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 06/06/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tây Ninh, kết luận: 352 vòng đeo, hình tròn có giá: 2.000.000 đồng/vòng x 352 vòng = 704.000.000 đồng.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:**

- 01 (một) valy đã được niêm phong, bên trong chứa 326 cái vòng đeo tay (còn lại sau giám định), có chữ ký xác nhận của nghiên cứu viên Lê Tấn D3 - V2; Điều tra viên Phạm Hồng T1 thuộc Công an huyện T và đóng dấu của Viện sinh thái học Miền nam.

- 01 (một) túi zíp màu trắng đã được niêm phong, bên trong chứa 21 cái vòng đeo tay (còn lại sau giám định), có chữ ký xác nhận của nghiên cứu viên Lê Tấn D3 - V2; Điều tra viên Phạm Hồng T1 thuộc Công an huyện T và đóng dấu của Viện sinh thái học V2.

Kèm theo Kết luận giám định tư pháp số 21-2024/KL/STHMN ngày 19/8/2024; Kết luận giám định tư pháp số 28-2024/KL/STHMN ngày 16/9/2024 (bản gốc).

* Kết quả kê biên tài sản: bị cáo Trịnh Thị D không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản Cáo trạng số 97/CT-VKSTB, ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trịnh Thị D về tội "Buôn lậu" theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Thị D phạm tội *"Buôn lậu*" và đề nghị:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Thị Duyên S tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 1.600.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa có đơn xin vắng mặt nhưng có gửi bài bào chữa với nội dung: Bị cáo D thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, hoàn cảnh khó khăn, gia đình có truyền thống cách mạng. Bị cáo đã vận động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả, bảo đảm nghĩa vụ chấp hành hình phạt tiền bằng việc bị cáo nộp số tiền 1.500.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên. Bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu (chưa có tiền án, tiền sự). Hành vi của bị cáo mặc dù vi phạm pháp luật nhưng không gây hậu quả nghiêm trọng cần được áp dụng các quy định về giảm nhẹ hình phạt theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, áp dụng khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo D.

* Kiểm sát viên tranh luận: Việc bị cáo nộp số tiền 1.500.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án không phải là khắc phục hậu quả, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự. Do đó đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện:

Vào ngày 15/3/2013, tại khu vực Cửa khẩu Quốc tế X thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Trịnh Thị D đã có hành vi buôn bán trái pháp luật đối với 352 vòng đeo tay được làm bằng ngà voi từ Campuchia về Việt Nam. Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 06/06/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tây Ninh xác định giá trị của tổng số 352 vòng đeo tay là 704.000.000

đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Trịnh Thị D đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn lậu", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 97/CT-VKSTB ngày 29/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Trịnh Thị D về tội "Buôn lậu" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, nhưng vì vụ lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần mức án khi quyết định hình phạt.

[5] Hình phạt áp dụng: căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng để đảm bảo thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

326 cái vòng đeo tay (còn lại sau giám định) bên trong 01 (một) valy đã được niêm phong, có chữ ký xác nhận của nghiên cứu viên Lê Tấn D3 - V2; Điều tra viên Phạm Hồng T1 thuộc Công an huyện T và đóng dấu của Viện sinh thái học Miền nam.

21 cái vòng đeo tay (còn lại sau giám định) bên trong 01 (một) túi zíp màu trắng đã được niêm phong, có chữ ký xác nhận của nghiên cứu viên Lê Tấn D3 - V2; Điều tra viên Phạm Hồng T1 thuộc Công an huyện T và đóng dấu của Viện sinh thái học Miền nam.

Kèm theo Kết luận giám định tư pháp số 21-2024/KL/STHMN ngày 19/8/2024; Kết luận giám định tư pháp số 28-2024/KL/STHMN ngày 16/9/2024 (bản gốc).

Bị cáo Trịnh Thị D đã tự nguyện nộp số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu số 0002358 ngày 21/02/2025. Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với hành vi của Ly D2 đã giới thiệu cho Trịnh Thị D mua 352 vòng đeo tay làm bằng ngà voi tại Campuchia. Tuy nhiên, L1 DaLene không thỏa thuận về việc chia lợi nhuận nếu bán được các vòng đeo tay bằng voi với D. Việc đi cùng D từ Campuchia về Việt Nam là để giải quyết công việc cá nhân của Ly D2. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh không xem xét xử lý đối với L1 DaLene là có căn cứ.

[8] Về án phí: bị cáo Trịnh Thị D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị D phạm tội "Buôn lậu".

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 188, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Duyên S tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả tự do cho bị cáo Trịnh Thị D ngay tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội nào khác.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

326 cái vòng đeo tay (còn lại sau giám định) bên trong 01 (một) valy đã được niêm phong, có chữ ký xác nhận của nghiên cứu viên Lê Tấn D3 - V2; Điều tra viên Phạm Hồng T1 thuộc Công an huyện T và đóng dấu của Viện sinh thái học Miền nam.

21 cái vòng đeo tay (còn lại sau giám định) bên trong 01 (một) túi zíp màu trắng đã được niêm phong, có chữ ký xác nhận của nghiên cứu viên Lê Tấn D3 - V2; Điều tra viên Phạm Hồng T1 thuộc Công an huyện T và đóng dấu của Viện sinh thái học Miền nam.

Kèm theo Kết luận giám định tư pháp số 21-2024/KL/STHMN ngày 19/8/2024; Kết luận giám định tư pháp số 28-2024/KL/STHMN ngày 16/9/2024 (bản gốc).

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên và có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/11/2024).

Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng của bị cáo Trịnh Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0002358 ngày 21/02/2025 để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trịnh Thị D phải chịu phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKDND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV và THA -TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Cơ quan THAHS;
- Phòng PV06-Công an Tây Ninh;
- Nhà tạm giữ CA huyện Tân Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương